

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN**  
**VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 10/2024/TLST/HNGĐ ngày 14 tháng 6 năm 2024, giữa:

Nguyên đơn: Chị Đinh Thị B, sinh năm: 1987;

Bị đơn: Anh Đinh Văn C, sinh năm: 1996.

Đều trú tại: Thôn RM, xã SL, huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 55, 58, 81, 82, 83 và Điều 84 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024;

**XÉT THẤY:**

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 19 tháng 8 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Chị Đinh Thị B và anh Đinh Văn C.

**2. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

- **Về hôn nhân:** Chị B và anh C tự nguyện thuận tình ly hôn.

- **Về con chung:** Có 01 (Một) con chung tên là: Đinh Thị N; sinh ngày 18/5/2021; chị B và anh C thỏa thuận giao cho chị B là người trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục cháu N. Anh C không phải cấp dưỡng nuôi con. Sau khi ly hôn anh C không trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được ngăn cấm hoặc cản trở. Vì lợi ích của con chung; một hoặc hai bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

- **Về các tài sản chung:** Chị B và anh C tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- **Về nợ chung:** Chị B và anh C thoả thuận chị Buồn sẽ chịu trách nhiệm trả toàn bộ số tiền dư nợ gốc 43.000.000đồng (*Bốn mươi ba triệu đồng*) và lãi phát sinh cho Ngân hàng chính sách xã hội huyện ST, anh C không chịu trách nhiệm liên đới.

- **Án phí:** Căn cứ điểm đ Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 về việc quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chị B được miễn toàn bộ án phí dân sự theo quy định của pháp luật. Hoàn trả lại cho chị B tạm ứng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm chị B đã nộp 1.475.000 đồng (*Một triệu bốn trăm bảy mươi lăm nghìn đồng*) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000768 ngày 13/6/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện ST, tỉnh Quảng Ngãi.

*Kể từ ngày quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 của Bộ luật dân sự 2015.*

*Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật Thi hành án dân sự.*

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

***Nơi nhận:***

- Các đương sự;
- NHCSXH huyện ST;
- VKS huyện ST;
- UBND xã SL;
- Chi cục THADS huyện ST;
- TAND tỉnh;
- - Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Lâm Thị Ánh Tuyết**